CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 28.10/QĐTN-HV	*Vĩnh Long, ngày 28 tháng 10 năm 2026*

CÔNG BỐ
THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG (LẦN 2)

Kính gửi:

- **Sở Xây dựng thành phố Đồng Nai;**
- **Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.**

Căn cứ nghị định số 14/2026/NĐ-CP Ngày 13/01/2026 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây Dựng.

Căn cứ năng lực thiết bị và nhân sự của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Hưng Việt.

Công ty TNHH Tư vân xây dựng Hưng Việt công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động của trạm thí nghiệm hiện trường :

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: **Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Việt**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp – Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 1300567433 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 07 tháng 08 năm 2025 do phòng Phát triển doanh nghiệp và kinh tế tập thể - Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long cấp;

Mã số thuế: 1300567433

Địa chỉ: Số nhà 148/1 đường Nguyễn Ngọc Nhựt, khu phố 8, phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long.

Điện thoại: 0913.054.086 Web: www.tnhhhungviet.com.vn

Email: Congtytnhhhungviet2009@gmail.com

Trạm thí nghiệm hiện trường thuộc Phòng TNKĐ & CNCL công trình LAS -XD 1049

Địa chỉ : 1142A Hùng Vương, ấp Bà Trường, xã Phước An, TP. Đồng Nai ;

2. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật thực hiện tại trạm thí nghiệm hiện trường (Danh mục kèm theo công bố này).

3. Danh sách máy móc thiết bị tại trạm thí nghiệm hiện trường (Danh mục kèm theo công bố này).

4. Danh sách nhân sự tại trạm thí nghiệm hiện trường (Danh mục kèm theo công bố này).

Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Hưng Việt cam kết thông tin công khai năng lực là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã công bố

Nơi nhận:
- Sở xây dựng Tỉnh Đồng Nai;
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT.

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 1300567433 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT
P.AN HỘI - T. VĨNH LONG

Trịnh Quang Dũng

DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT THỰC HIỆN TẠI TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG.

(Kèm theo quyết định số 28.10/QĐTN-HV ngày 28/10/2026 của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Việt)

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
1	**Đất đắp**	
1.1	Phân loại đất, chỉ số nhóm	AASHTO M 145
1.2	Hàm lượng lọt sàng 0,075mm	AASHTO T11
1.3	Thành phần hạt	TCVN 4198:2014, AASHTO T88
1.4	Tỷ trọng hạt	TCVN 4195 : 12
1.5	Thí nghiệm đầm nén	TCVN 12790:2020
1.6	Giới hạn chảy (LL)	TCVN 4197:12; AASHTO T89
1.7	Giới hạn dẻo (PL)	TCVN 4197:12; AASHTO T90
1.8	Chỉ số dẻo (PI)	TCVN 4197:12; AASHTO T89; AASHTO T90
1.9	Trương nở	TCVN 12792:2020
1.10	Chỉ số sức chịu tải	TCVN 12792:2020
1.11	Hàm lượng muối	TCVN 9436 : 2012
1.12	Hàm lượng hữu cơ	AASHTO T267-86
1.13	Xác định độ ẩm, độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
2	**Vật liệu dạng hạt cho lớp móng dưới**	
2.1	Thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
2.2	Giới hạn chảy (LL)	TCVN 4197:12
2.3	Giới hạn dẻo (PL)	TCVN 4197:12
2.4	Chỉ số dẻo (PI)	TCVN 4197:12
2.5	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
2.6	Hàm lượng bụi bùn sét	TCVN 7572-8:2006
2.7	Thí nghiệm đầm nén	TCVN 12790:2020
2.8	Trương nở	TCVN 12792:2020
2.9	Chỉ số sức chịu tải CBR	TCVN 12792:2020
2.10	Hàm lượng lọt sàng 0,075mm	AASHTO T11
2.11	Thí nghiệm hệ số thấm	ASTM D2434
3	**Cấp phối đá dăm và Cấp phối đá dăm gia cố xi măng**	

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
3.1	Đầm nén tiêu chuẩn, tỷ trọng khối	TCVN 12790:2020
3.2	Xác định chỉ số CBR, độ trương nở	TCVN 12792:2020
3.3	Thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006; AASHTO T27
3.4	Hàm lượng lọt sàng 0,075mm	AASHTO T11
3.5	Độ hao mòn Los – Angeles	TCVN 7572-12:06; AASHTO T96
3.6	Giới hạn chảy	TCVN 4197:12
3.7	Giới hạn dẻo	TCVN 4197:12
3.8	Chỉ số dẻo	TCVN 4197:12
3.9	Tích số dẻo	TCVN 4197:12; AASHTO T11
3.10	Hàm lượng thoi dẹt	TCVN 7572-13:06
3.11	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7 :2006
3.12	Hàm lượng hữu cơ	AASHTO T267
3.13	Thiết kế mẫu CPĐD gia cố xi măng	TCVN 8858: 2011
3.14	Cường độ nén mẫu CPĐD gia cố xi măng	TCVN 3118 -2022
3.15	Cường độ ép chẻ Cường độ nén mẫu CPĐD gia cố xi măng	TCVN 8862: 2011
3.16	Mô đun đàn hồi mẫu CPĐD gia cố xi măng	TCVN 9843-2013
4	**Cốt liệu cho bê tông xi măng, bê tông nhựa , vữa và Đá dăm làm lớp lọc**	
4.1	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2: 2006; AASHTO T27
4.2	Hàm lượng hạt nhỏ hơn 0.075mm	TCVN 9205:2012; AASHTO T11
4.3	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích khô, khối lượng thể tích bão hòa & độ hút nước cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-4:2006
4.4	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích khô, khối lượng thể tích bão hòa & độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
4.5	Khối lượng thể tích xốp và độ hổng	TCVN 7572-6:2006
4.6	Hàm lượng hạt thoi dẹt của cốt liệu lớn	TCVN 7572-13: 2006
4.7	Hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
4.8	Hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
4.9	Hàm lượng hạt mềm yếu phong hóa	TCVN 7572-17:2006
4.10	Tỷ trọng khối, tỷ trọng bão hoà khô bề mặt, tỷ trọng biểu kiến & độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; AASHTO T85

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
		AASHTO T84
4.11	Độ mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los-Angeles)	TCVN 7572- 12:2006
4.12	Cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
4.13	Hàm lượng mi ca	TCVN 7572-20:2006
4.14	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
4.15	Thành phần cỡ hạt cát nghiền	TCVN 9205:2012
5	**Xi măng**	
5.1	Lấy mẫu	TCVN 4787:2009
5.2	Khối lương riêng, Độ mịn xi măng	TCVN 4030:2003; TCVN 13605:2023
5.3	Độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017: 2015
5.3	Giới hạn bền nén, uốn	'TCVN 6016:2011
6	**Bê tông xi măng**	
6.1	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022
6.2	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
6.3	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022
6.4	Xác định độ tách nước tách vữa	TCVN 3109:2022
6.5	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022
6.6	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022
6.7	Xác định giới hạn bền khi uốn	TCVN 3119:2022
6.9	Thử độ cứng vebe	TCVN 3107:2022
7	**Vữa xây dựng**	
7.1	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu	TCVN 3121-2:2022
7.2	Xác định cường độ uốn và nén của mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-11:2022
7.3	Xác định kích thước hạt lớn nhất của cốt liệu	TCVN 3121-1:2022
7.4	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022
7.5	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
7.6	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121 -10:2022
7.7	Xác định độ hút nước của mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-18:2022
7.8	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022
7.9	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022
8	**Thép xây dựng**	

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
8.1	Thử kéo	TCVN 314:2008; TCVN 197:2014; TCVN 6288:1997; TCVN 7937:2013;
8.2	Thử uốn	TCVN 198:2008; TCVN 6288:1997; TCVN 7937:2013;
8.3	Đo các đặc trưng hình học	TCVN 7937 - 1 : 2013
8.4	Xác định sai lệch khối lượng trên mét dài danh nghĩa	TCVN 7937 - 1 : 2013
8.5	Xác định diện tích gân hoặc rãnh lõm tương đối	TCVN 7937- 1: 2013
8.6	Thử kéo bu long và đai ốc	TCVN 130; 197; 1916; 4795;4796; ASTM A370
8.7	Chiều dày lớp phủ	TCVN 5408:2007; ASTM A123/ASTM A123M-02; ASTM M-17; ASTM A53
8.8	Dây kim loại: Phương pháp thử kéo, Thử uốn, dung sai khối lượng	TCVN 1824:1993; TCVN 1825:2008; TCVN 1826:2006; TCVN 1827:2006; TCVN 12518-1:2018; TCVN 12518-2:2018; ASTM A370-24a
8.9	Độ giãn dài sau khi kéo đứt	TCVN 314:2008; TCVN 197:2014
09	**Phụ gia**	
9.1	Hàm lượng chất khô, hàm lượng tro, khối lượng riêng	TCVN 8826:2024
10	**Đá gốc**	
10.1	Cường độ và hệ số hóa mềm	7572-10:2006
10.2	Khối lượng thể tích	TCVN 7572-5:2006
11	**Thí nghiệm Bentonite**	
11.1	Xác định khối lượng riêng	TCVN 9593;11893
11.2	Độ nhớt	TCVN 9593;11893
11.3	Hàm lượng cát	TCVN 9593;11893
11.4	Độ PH	TCVN 9593;11893
12	**Thí nghiệm hiện trường**	
12.1	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của đất , cấp phối đá dăm trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06; AASHTO T191

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
12.2	Xác định độ bằng phẳng mặt đường bằng thước dài 3m	TCVN 8864 : 2011
12.4	Xác định môđun đàn hồi E chung của kết cấu áo đường mềm bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8867:2011
12.5	Phân loại đất,đá trong xây dựng	TCVN 5746:2024; TCVN 14183:2024; TCVN 11676:2016; AASHTO M145-91; ASTM D3282-15

DANH SÁCH MÁY MÓC, THIẾT BỊ TẠI TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG

(Kèm theo quyết định số 28.10/QĐTN-HV ngày 28/10/2026 của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Việt)

STT	TÊN THIẾT BỊ	MODEL	XUẤT XỨ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Đồng hồ đo trương nở		Trung Quốc	10	
2	Dụng cụ Casagrande, Tấm kính nhám, rây (1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, bình thuỷ tinh có nắp.		Trung Quốc	1	
3	Máy mài mòn LosAngeles		Trung Quốc	1	
4	Thước đo hàm lượng thoi dẹt		Việt Nam	1	
5	Dụng cụ Vicat		Trung Quốc	1	
6	Máy trộn vữa xi măng	JJ-5	Trung Quốc	1	
7	Bàn dằn quay tay		Việt Nam	1	
8	Tủ dưỡng hộ nhiệt ẩm		Trung Quốc	1	
9	Máy nén bê tông 2000kN	TYA - 2000	Trung Quốc	1	
10	Thước 3m		Trung Quốc	1	
11	Máy kéo, nén, uốn vạn năng	WE 1000B	Trung Quốc	1	
12	Máy cắt mẫu thép		Trung Quốc	1	
13	Máy nén CBR		Trung Quốc	1	
14	Tủ sấy	101-2A	Trung Quốc	2	
15	Lò nung		Trung Quốc	1	
16	Cân điện tử 30kg	OHAUS	Trung Quốc	1	
17	Cân điện tử loại 15000g	OHAUS	Trung Quốc	1	
18	Cân điện tử loại 6000g	VIBRA	Nhật Bản	1	
19	Thước kẹp		Trung Quốc	1	
20	Thước vạch		Trung Quốc	1	
21	Nhiệt kế điện tử		Trung Quốc	1	
22	Tỷ trọng kế		Trung Quốc	1	
23	Bộ đo giao vòng		Trung Quốc	1	
24	Bộ đo K rót cát		Trung Quốc	1	
25	Bộ thử linh động vữa		Trung Quốc	1	
26	Bộ côn độ sụt		Trung Quốc	1	
27	Bộ thí nghiệm Bentonite		Trung Quốc	2	

28	Bếp ga mini		Trung Quốc	2	
29	Bể bảo dưỡng mẫu		Trung Quốc	1	
30	Thùng ngâm mẫu, hộp ẩm đựng mẫu, que chọc, dao gọt mẫu, búa cao su, cọ quét, giá xúc mẫu, dụng cụ chia mẫu, ống đong, cốc nung, bàn chải sắt, khay sấy mẫu, giẻ lau, …		Việt Nam	1	

DANH SÁCH NHÂN SỰ TẠI TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG

(Kèm theo quyết định số 28.10/QĐTN-HV ngày 28/10/2026 của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Việt)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Công việc thực hiện	Thâm niên
1	Ngô Mạnh Hải	Trưởng phòng thí nghiệm	- Trưởng phòng thí nghiệm - Quản lý chuyên môn và thực hiện thí nghiệm vật liệu xây dựng - Chịu trách nhiệm về công tác quản lý chất lượng, công tác thí nghiệm , tính trung thực, khách quan của các kết quả thí nghiệm của Phòng thí nghiệm xuất ra khỏi phòng trước khách hàng - Thực hiện thí nghiệm hiện trường vật liệu xây dựng	2003
2	Hồ Ngọc Đảm	Phó TP TN PT TTNHT	**- Phó trưởng phòng thí nghiệm** **- PT trạm thí nghiệm hiện trường** - Quản lý chuyên môn và thực hiện thí nghiệm vật liệu xây dựng - Thực hiện thí nghiệm vật liệu xây dựng - Và các thí nghiệm hiện trường + Thí nghiệm hiện trường cơ bản + Thí nghiệm hiện trường xây dựng chuyên sâu	2016
3	Nguyễn Nhân Hoàng	Thí nghiệm viên	**- Nhân viên phòng thí nghiệm** - Thực hiện thí nghiệm vật liệu - Thí nghiệm hiện trường	2021
4	Nguyễn Quốc Huy	Thí nghiệm viên	**- Nhân viên phòng thí nghiệm** - Thực hiện thí nghiệm vật liệu - Thí nghiệm hiện trường	2023
5	Lê Duy Hải	Thí nghiệm viên	**- Nhân viên phòng thí nghiệm** - Thực hiện thí nghiệm vật liệu - Thí nghiệm hiện trường	2024
6	Nguyễn Thanh Nam	Thí nghiệm viên	**- Nhân viên phòng thí nghiệm** - Thực hiện thí nghiệm vật liệu - Thí nghiệm hiện trường	2021